TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Huỳnh Văn Hoàn.
2/ Ông Nguyễn Anh Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Chí Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân*** **dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham *gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lữ Thị Tài L, sinh năm 1992 (xin vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1986 (xin vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lữ Thị Tài L trình bày:

Tôi và anh Lê Văn B do quen biết nhau, được gia đình đồng ý nên kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 23/9/2009. Sau khi kết hôn chúng tôi làm nhà ở bên gia đình chồng, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ổn định. Đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi do bất đồng quan điểm có đánh nhau, đối xử thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng không hạnh phúc. Anh B còn ghen tuông tôi với người khác. Chúng tôi đã ly thân nhau từ năm 2022 đến

nay, từ lúc ly thân đến nay không còn liên hệ để hòa giải với nhau. Nay tình cảm không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Văn Bảo H, sinh ngày 16/9/2009. Do từ lúc vợ chồng ly thân đến nay cháu H do anh B trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn tôi giao cháu H cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 25/6/2024 bị đơn anh Lê Văn B trình bày đồng ý ly hôn với chị L, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh B, chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh B, chị L.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, chị L yêu cầu được ly hôn với anh B, giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh B có nơi cư trú tại xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị L và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 23/9/2009 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị L trình bày mâu thuẫn vợ chồng chị bắt đầu phát sinh từ năm 2022 nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, có lần đánh nhau, đối xử thiếu tôn trọng nhau nên đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Ngoài ra anh

B còn ghen tuông với người khác. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay và không còn liên lạc gì với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh B đã phát sinh trong thời gian dài, chị L và anh B ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay, từ lúc ly thân đến nay anh chị cũng không liên lạc gì với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Tại bản tự khai ngày 25/6/2024 anh B cũng đồng ý ly hôn với chị L. Điều đó chứng tỏ cả anh B và chị L đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì "vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" nhưng anh B và chị L không còn quan tâm, tin tưởng nhau, không cùng nhau chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên mâu thuẫn gia đình giữa chị L và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh B có một con chung là cháu Lê Văn Bảo H, sinh ngày 16/9/2009, từ lúc chị L và anh B ly thân đến nay cháu H do anh B trực tiếp nuôi dưỡng và tại bản tự khai ngày 25/6/2024 cháu H cũng có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục chung sống với anh B nên chị L có yêu cầu giao con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo môi trường sống ổn định cho cháu H nên cần tiếp tục giao cháu H cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lữ Thị Tài L.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị Tài L được ly hôn với anh Lê Văn B.

2/. Về con chung: Giao cháu Lê Văn Bảo H, sinh ngày 16/9/2009 cho anh Lê Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Lữ Thị Tài L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh B chưa yêu cầu.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0002568 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị L đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã H, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giang